

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Bà Đoàn Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/DS/ST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, về việc ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H.

Nơi ĐKKHKT: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Đội 4, xóm T, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C.

Địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H.

Ông Phạm Văn L.

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bà Đỗ Thị N.

Anh Nguyễn Văn T.

Chị Phạm Thị L.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn T: Chị Phạm Thị L

Cùng địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, bà N, chị L. Vắng mặt: Anh C, bà H, ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau tháng 8 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và vợ chồng lấy nhau 7 năm nhưng không có con chung. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản gồm: 01 thuyền hút cát hiện anh C đang quản lý trị giá 30.000.000đ; một nhà xây 02 tầng dạng nhà ống khép kín, tầng 2 phía trước xây 1 gian, 1/2 phía sau là lợp tôn, xây dựng trên thửa đất của bố mẹ anh C trị giá khoảng 550.000.000 đồng. Khi xây nhà vợ chồng có 300.000.000đ, chị đưa cho anh C để thanh toán công thợ và tiền vật liệu xây dựng, còn lại là vay của mẹ anh C là bà Trần Thị H 150.000.000đ, vay của vợ chồng anh trai chị là anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị L 50.000.000đ. Ngoài ra tháng 8, 10/ 2009 vợ chồng còn vay của bà Đỗ Thị N để mua thuyền hút cát.

Quan điểm của chị H: Chị không yêu cầu về đất, chị chỉ yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ ngôi nhà đã xây là tài sản chung của vợ chồng và giao cho anh C ở sử dụng nhà, anh C phải trả chênh lệch tài sản cho chị và các khoản nợ đã vay ở trên.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải, bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Trong thời gian vợ chồng chung sống, do không có con chung nên đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng có 01 thuyền hút cát trị giá 30.000.000đ, anh nhận quản lý sử dụng trả cho chị H là 15.000.000đ, ngoài ra không có tài sản gì khác.

Việc chị H khai: Nhà xây 02 tầng nêu trên là của vợ chồng trị giá khoảng 550.000.000 đồng là không đúng, vì đó là nhà của bố mẹ anh bỏ tiền ra xây, vợ chồng ở nhờ cùng bố mẹ anh.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tất cả các khoản nợ chị H khai trên anh không thừa nhận.

Tại biên bản đối chất - Bà Trần Thị H trình bày: Toàn bộ nhà, đất chị H đã khai ở trên là do bà bỏ tiền xây cho anh chị C, H ở nhờ cùng gia đình bà. Quá trình xây nhà bà có mượn chủ thầu xây dựng là ông Ch, ông D lắp điện nước, ông T lợp mái tôn, bà trực tiếp thanh toán tiền, tiền gạch vật liệu xây dựng bà đã đưa tiền nhờ anh C thanh toán. Bà khẳng định toàn bộ nhà xây 02 tầng như chị H khai là tiền của bà bỏ ra xây, bà không cho vợ chồng anh C, chị H vay số tiền 150.000.000đ để xây nhà như chị H khai.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Bà Đỗ Thị N trình bày: Tháng 8/2009 vợ chồng anh C, chị H vay của bà 01 cây vàng để mua thuyền hút cát. Tháng 12/2009 vợ chồng anh C, chị H vay của bà 10.000.000đ để trả nợ, cả 2 lần vay trên đều do anh C trực tiếp nhận tiền, khi vay không có giấy tờ biên nhận gì. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh C phải có trách nhiệm trả bà số nợ trên, bà không yêu cầu tiền lãi suất.

Tại đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T; Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Chị Phạm Thị L trình bày: Tháng 12/2016 vợ chồng anh C, chị H có vay của vợ chồng chị số tiền là 50.000.000đ về làm nhà, chị H là người nhận tiền, khi vay không có giấy tờ gì. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh C, chị H phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị số tiền trên, chị không yêu cầu tiền lãi suất.

Tại phiên tòa:

- Chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh C.

Về tài sản: Trước khi vợ chồng làm nhà bố mẹ chồng là ông L, bà H có nói cho vợ chồng chị đất và đồng ý rờ nhà cũ để cho vợ chồng chị xây nhà vào năm 2016. Cũng thời điểm vợ chồng xây nhà thì ông bà H, L cũng xây 3 gian nhà mái tôn trên cùng một thửa đất ở phía tây để ở riêng, không ở chung với vợ chồng chị. Nay chị đề nghị Tòa án xác định ngôi nhà như chị đã khai trên là tài sản chung của vợ chồng và giao cho anh C sử dụng, anh C có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho chị theo pháp luật. Về thửa đất ông L, bà H chưa sang tên cho vợ chồng chị nên chị không yêu cầu về đất.

- Bà N: Đề nghị HĐXX xem xét, buộc vợ chồng anh C, chị H phải trả bà số tiền 10 triệu đồng và 01 cây vàng 9999, bà không yêu cầu tiền lãi suất.

- Chị L đề nghị HĐXX xem xét, buộc vợ chồng anh C, chị H phải trả vợ chồng chị số tiền là 50.000.000đ, chị không yêu cầu tiền lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

Về tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Các bên đương sự đã có lời khai thể hiện quan điểm rõ ràng, đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn tại phiên tòa ngày 26/7 và phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung:

Phần tình cảm: Xét thấy, chị H và anh C không còn tình cảm với nhau, hai anh chị đều nhất trí ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về tài sản: Các biên bản lấy lời khai của đương sự thể hiện – Anh C, chị H là người xuống cửa hàng vật liệu xây dựng để đặt vấn đề mua vật liệu; hai anh chị cũng là người trả tiền công thợ xây và thanh toán tiền công thợ mộc. Như vậy chị H và anh C đều có công sức đóng góp trong việc xây dựng căn nhà nên chị H được hưởng một phần công sức đóng góp để tạo dựng lên ngôi nhà đó. Cụ thể anh C phải có trách nhiệm trả cho chị H 1/3 giá trị ngôi nhà đã ước tính. Đối với thuyền hút cát: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh C cụ thể: Anh C nhận sở hữu con thuyền trị giá 30.000.000đ trả chênh lệch cho chị H 15.000.000đ.

Về công nợ: Đối với khoản nợ của anh T 50.000.000đ và khoản nợ của bà N là 1 cây vàng và 10.000.000đ đều không có giấy tờ thể hiện việc vay nợ giữa chị H, anh C với bà N, anh T. Anh C có lời khai không biết không vay những khoản nợ này. Do đó, xác định khoản nợ của bà N và anh T là nợ riêng của chị H nên chị H có trách nhiệm thanh toán cho bà N và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà H, ông L, anh C nhưng anh C, bà H, ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau vào tháng 8 năm 2009, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh C cũng nhất trí ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn C đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh C

nhất trí ly hôn. Vì vậy căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn C.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản:

- Tài sản thống nhất: Vợ chồng có 01 thuyền hút cát trị giá 30.000.000đ, anh C quản lý và sử dụng, anh C trả cho chị H 15.000.000đ.

- Tài sản không thống nhất:

Chị H khai: Nhà xây 02 tầng mái bằng khoảng 130m² trên đất của bố mẹ chồng là ông Phạm Văn L và Trần Thị H tại xóm H, xã P, huyện T là tài sản chung của vợ chồng.

Anh C có lời khai: Nhà như chị H khai là nhà của bố mẹ anh bỏ tiền ra xây, vợ chồng anh ở nhờ nên không có yêu cầu gì.

Bà H có lời khai: Nhà là của bà xây, bà cho vợ chồng anh C ở nhờ cùng với gia đình bà.

HĐXX xét thấy: Chị H khai, quá trình làm nhà vợ chồng có 300 triệu, chị đưa anh C thanh toán các khoản tiền công, nguyên vật liệu, nhưng anh C không thừa nhận và cho rằng nhà là của bố mẹ anh bỏ tiền ra xây. Bà H có lời khai; Căn nhà là bà bỏ tiền ra xây và cho vợ chồng anh C ở nhờ, các khoản tiền đều do bà thanh toán, cũng có khoản bà đưa tiền nhờ anh C thanh toán. Qua xác minh thu thập chứng cứ đã thể hiện: Việc thanh toán các khoản tiền công xây dựng, và vật liệu xây dựng, trả tiền thợ mộc, khoản chi khác có lần bà H thanh toán cũng có lần anh C, chị H thanh toán. Xét thấy; chị H và anh C đã có thời gian C sống với nhau đến nay đã được tám năm. Trong quá trình sống C, vợ chồng đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, anh C kinh doanh thuyền hút cát, chị H đi làm ở công ty giấy da cũng có khoản thu nhập nhất định, vợ chồng lại chưa có con chung. Quá trình vợ chồng làm nhà - Theo chị H khai; khi làm nhà vợ chồng có 300 triệu đồng, ông L, bà H đã đồng ý và dỡ nhà cũ để cho vợ chồng chị xây nhà, ông bà đã làm ba gian nhà lợp tôn ở riêng không ở chung với vợ chồng chị. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh C không thừa nhận ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng, nhưng đã có đủ căn cứ xác định ngôi nhà xây như chị H khai là tài sản chung của vợ chồng anh C, chị H và của bà H, ông L được xây dựng trên thửa đất của bà H và ông L.

Quá trình giải quyết chị H đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản là Nhà nêu trên. Hội đồng định giá đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản vào ngày 25/6/2018, nhưng anh C và bà H đều ngăn cản không hợp tác. Căn cứ vào mô tả về Nhà của chị H, ý kiến của chính quyền địa phương. Hội đồng định giá đã ước giá ngôi nhà như chị H đã mô tả ước giá khoảng 500.000.000 đồng.

HĐXX, xét thấy; anh C không thừa nhận và xác định ngôi nhà là của bố mẹ. Vì vậy, cần giao căn nhà nêu trên cho bà H và ông L sở hữu, sử dụng; buộc bà H và ông L có trách nhiệm trả cho chị H khoảng 150.000.000đ là phù hợp.

[5] Về khoản nợ:

- Đối với khoản nợ của bà H - chị H khai: Vợ chồng chị có vay bà Trần Thị H số tiền là 150.000.000đ để làm nhà, bà H có lời khai: vợ chồng anh C, chị H không nợ bà khoản tiền nào, bà không có yêu cầu gì về số tiền chị H khai. Do vậy việc chị H khai là không có căn cứ.

- Đối với khoản nợ của bà N - chị H khai: Vợ chồng chị còn nợ bà N 01 cây vàng và 10.000.000đ vay mua thuyền hút cát, cả 2 lần vay đều do anh C nhận tiền, khi vay không có giấy tờ biên nhận gì, anh C lại không thừa nhận việc này, bà N không đưa ra được căn cứ nào chứng minh việc anh C nhận tiền. Vì vậy số nợ này là nợ riêng của chị H có trách nhiệm trả bà N.

- Đối với khoản nợ của anh T, chị L - chị H khai: Vợ chồng chị còn nợ vợ chồng anh T, chị L số tiền là 50.000.000đ đồng về làm nhà, chị là người nhận tiền, khi vay không có giấy tờ gì, anh C không thừa nhận việc này. Vì vậy số nợ này là nợ riêng của chị H có trách nhiệm trả vợ chồng anh T.

[4] Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H nhận nộp cả án phí ly hôn.

- Án phí tài sản: Các đương sự phải nộp 5% án phí giá ngạch tài sản được hưởng, cụ thể:

Chị H phải nộp $(150.000.000đ + 15.000.000đ) \times 5\% = 8.250.000$ đồng

Anh C phải nộp $15.000.000đ \times 5\% = 750.000$ đồng

Vợ chồng Bà H, ông L phải nộp án phí tài sản $350.000.000$ đồng $\times 5\% = 17.500.000$ đồng.

+ Khoản nợ: Số nợ của bà N và vợ chồng anh T được xác định là nợ riêng của chị H nên chị H phải chịu án phí. Tại thời điểm này giá vàng 1 chỉ 9999 có giá trị khoảng $3.500.000đ/1$ chỉ $= 35.000.000đ$

$(50.000.000đ + 45.000.000đ) \times 5\% = 4.750.000đ$

Như vậy, chị H phải nộp tiền án phí tài sản được hưởng $8.250.000$ đồng + $4.750.000đ$ khoản nợ riêng). Tổng = $13.000.000$ đồng.

* Do yêu cầu của bà N và vợ chồng anh T, chị L được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Các vấn đề khác không ai có yêu cầu nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 51, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án .

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn C.

2. Về tài sản:

Giao anh Phạm Văn C sở hữu, sử dụng 01 thuyền hút cát trị giá 30.000.000đ có trách nhiệm trả chênh lệch cho chị Nguyễn Thị H 15.000.000đ.

Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H sở hữu và sử dụng căn Nhà xây 02 tầng dạng nhà ống khép kín, tầng 2 phía trước xây 1 gian, 1/2 phía sau là lợp tôn, được xây dựng trên thửa đất của ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H ước giá 500.000.000 đồng, tại xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định và có trách nhiệm trả chị H số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Phạm Văn C và vợ chồng ông Phạm Văn L, bà Trần Thị H không thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng bà còn phải trả một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Khoản nợ: Giao chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

Trả nợ bà Đỗ Thị N 01 cây vàng 9999 và 10.000.000 đồng

Trả nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị L số tiền là 50.000.000đồng

4. Về án phí:

- Án phí DSST: Chị Nguyễn Thị H nhận nộp 300.000đ, đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0000941 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh.

- Án phí tài sản:

+ Chị Nguyễn Thị H phải nộp là 13.000.000 đồng.

+ Anh Phạm Văn C phải nộp 750.000 đồng

+ Vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H phải nộp là 17.500.000 đồng.

+ Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền tạm ứng án phí 560.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04726 ngày 05/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh.

+ Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 620.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 04727 ngày 05/3/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện Trực Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, bà Đỗ Thị N, vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn C, bà Trần Thị H, ông Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P, huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu